TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Bà Trần Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm: 1988. HKTTrú: Thôn H, xã H Thượng, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạm trú: K358/40A đường P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phan Thị T**, luật sư của Công ty luật TNHH MTV D thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L (Nguyen Linh V),** sinh năm: 1968. Địa chỉ: 256 Green street Souderton, Pennsylvania 18964, United States of America (Mỹ). (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn L quen biết nhau vào năm 2014. Sau thời gian tìm hiểu thì đi đến kết hôn và được Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 454, quyển số 03/2015, ngày 17/12/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống được 01 tháng và ông L quay trở về Mỹ, còn tôi sống và làm việc tại Đà Nẵng. Từ khi về Mỹ đến nay ông L không quay trở lại, chúng tôi chỉ liên lạc qua điện thoại. Trong thời kỳ hôn nhân tôi thấy vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, những lúc nói chuyện điện thoại thì bất đồng về quan điểm sống, hay cãi nhau, thực tế hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, đồng thời tôi thấy hiện nay tình cảm giữa tôi và ông L không còn nên yêu cầu giải quyết được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn L.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 17/7/2018 được chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự quán của Lãnh sự quán nước Việt Nam tại Hoa Kỳ ngày 31/7/2018 như sau:

Tôi đã nhận được Thông báo thụ lý số 37/2018/TB-TLVA ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông báo bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện "Ly hôn". Ý kiến của tôi như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Kim P kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 454, quyển số 03/2015, vào sổ đăng ký kết hôn ngày 22/12/2015) do Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/12/2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống được 01 tháng tại khách sạn ở Đà Nẵng. Sau đó tôi quay trở về Mỹ (Hoa Kỳ), còn bà Nguyễn Thị Kim P sống và làm việc tại Đà Nẵng. Từ khi về Mỹ từ tháng 01/2016 đến nay tôi không quay trở lại Việt Nam. Chúng tôi chỉ liên lạc bằng điện thoại trong năm 2016.

Hiện tại mỗi người sống mỗi nơi. Tôi sống tại Hoa Kỳ, còn bà Nguyễn Thị Kim P sống tại Việt Nam. Hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ, về thực tế không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm lẫn nhau. Nay tôi xác định giữa chúng tôi không còn tình cảm. Vì vậy về quan hệ hôn nhân tôi đồng ý thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P và không có ý kiến gì.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án số 37/2018/TB-TLVA ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian mởi phiên tòa xét xử nhưng hiện nay tôi đang ở nước Hoa Kỳ nên không thể có mặt để tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án bố trí thời gian mở phiên tòa xét xử giữa tôi và bà Nguyễn Thị

Kim Phương sớm hơn thời gian đã ấn định trong thông báo thụ lý để giải thoát tình cảm giữa hai bên. Tôi không có khiếu nại gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P là công dân Việt Nam, có địa chỉ cư trú tại K358/40A đường P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Nguyễn Văn L, có địa chỉ cư trú tại 256 Green street Souderton, Pennsylvania 18964, United States of America nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, 40, 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P và bị đơn ông Nguyễn Văn L theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L theo đường Bưu điện. Tại văn bản ngày 31/7/2018 được Lãnh sự quán nước Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự người dịch và ký vào văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt đối với văn bản trình bày ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn L ngày 17/7/2018 và tại văn bản trình bày ý kiến nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn L đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 37/2018/TB-TLVA ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông; cũng như các nội dung khác có liên quan cần giải quyết trong vụ án.

[3] Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn L không có mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Nguyễn Văn L thì thấy: Sau khi kết hôn từ tháng 12/2015, giữa bà P và ông L chung sống được với nhau 01 tháng tại Đà Nẵng, sau đó ông Linh quay trở về Mỹ (Hoa Kỳ), còn bà P sống và làm việc tại Đà Nẵng. Hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm lẫn nhau. Cả bà P và ông L đều xác định không còn tình cảm nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P, ông L cũng như Luật sư Phan Thị T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P đề nghị giải quyết cho bà

P và ông L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 37; 40; 147; 227; 464, 469 và Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 122; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Ly hôn*"* của bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Nguyễn Văn L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Nguyễn Văn L (Nguyen Linh V).

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 001436 ngày 12/6/2018 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng. (Bà Phương đã nộp đủ án phí).

3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn